

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 77/2021/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 29 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu và sử dụng nguồn thu dịch vụ tuyển sinh vào lớp 6, lớp 10
tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*
- Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*
- Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*
- Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*
- Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*
- Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*
- Căn cứ Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu dịch vụ tuyển sinh vào lớp 6, lớp 10 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;*
- Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2638/TTr-SGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Báo cáo thẩm định số 2334/BC-STP ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Sở Tư pháp.*

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức thu và sử dụng nguồn thu dịch vụ tuyển sinh vào lớp 6, lớp 10 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các thí sinh đăng ký tuyển sinh vào lớp 6, lớp 10;
- b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động thu và sử dụng nguồn thu dịch vụ tuyển sinh vào lớp 6, lớp 10 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Đối tượng được miễn thu

Đối tượng được miễn thu dịch vụ tuyển sinh lớp 6, lớp 10 tại các cơ sở giáo dục công lập theo Phụ lục đính kèm.

Điều 3. Mức thu, quản lý và sử dụng

1. Mức thu

- a) Dự tuyển vào lớp 10: 30.000 đồng/thí sinh;
- b) Dự tuyển vào lớp 6: 20.000 đồng/thí sinh.

2. Sử dụng và quản lý nguồn thu

2.1. Sử dụng

Sau khi thực hiện các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định, các đơn vị được giữ lại 100% nguồn thu để phục vụ cho công tác tuyển sinh và thực hiện quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ tại các đơn vị có liên quan.

a) Dự tuyển vào lớp 10

- Đối với các trường trung học cơ sở (THCS), trường trung học cơ sở - trung học phổ thông (THCS-THPT) có học sinh cấp trung học cơ sở đăng ký dự tuyển vào lớp 10:

+ Trường THCS, trường THCS-THPT trực tiếp thu tiền từ học sinh hoặc cha mẹ học sinh;

+ Được giữ lại 30% số tiền thu để thực hiện các nội dung liên quan đến công tác tuyển sinh, cụ thể như sau: chi phí hành chính, điện, trang bị, sửa chữa máy móc thiết bị, văn phòng phẩm, biên lai thu tiền, trả phí chuyển tiền, công tác phí liên quan đến công tác tuyển sinh, chi trả chế độ làm thêm giờ (nếu có) cho cán bộ, giáo viên và các cá nhân có liên quan tham gia phục vụ công tác tuyển sinh; các khoản chi khác có liên quan đến công tác tuyển sinh. Mức chi cụ thể theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

+ Số tiền còn lại chuyển cho các trường THPT hoặc trường THCS-THPT có học sinh dự tuyển vào lớp 10.

- Đối với trường THPT có tuyển sinh học sinh vào lớp 10: Được sử dụng 70% tiền thu dịch vụ dự tuyển vào lớp 10 (do các trường THCS chuyển lên) để thực hiện các nội dung sau: Chi phí hành chính, điện, trang bị, sửa chữa máy móc thiết bị, văn phòng phẩm, biên lai thu tiền, trả phí chuyển tiền, công tác phí liên quan đến công tác tuyển sinh, chi trả chế độ làm thêm giờ (nếu có) cho cán bộ, giáo viên và các cá nhân có liên quan tham gia phục vụ công tác tuyển sinh; các khoản chi khác có liên quan đến công tác tuyển sinh. Mức chi cụ thể theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Đối với trường THCS-THPT trực tiếp tuyển sinh vào lớp 10 thì sau khi nộp ngân sách Nhà nước theo quy định thì được giữ lại 100% và thực hiện các nội dung chi theo hướng dẫn trên đây.

b) Dự tuyển vào lớp 6

- Đối với các trường tiểu học có học sinh đăng ký dự tuyển vào lớp 6:

+ Trường tiểu học trực tiếp thu tiền từ học sinh hoặc cha mẹ học;

+ Được giữ lại 30% tiền thu dịch vụ dự tuyển vào lớp 6 để thực hiện các nội dung sau: Chi phí hành chính, điện, trang bị, sửa chữa máy móc thiết bị, văn phòng phẩm, biên lai thu tiền, trả phí chuyển tiền, công tác phí liên quan đến công tác tuyển sinh, chi trả chế độ làm thêm giờ (nếu có) cho cán bộ, giáo viên và các cá nhân có liên quan tham gia phục vụ công tác tuyển sinh; các khoản chi khác có liên quan đến công tác tuyển sinh. Mức chi cụ thể theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

+ Số tiền còn lại chuyển cho các trường THCS, trường THCS-THPT có học sinh dự tuyển vào lớp 6.

- Các trường THCS, trường THCS-THPT tuyển sinh học sinh vào lớp 6:

Được sử dụng 70% tiền thu dịch vụ dự tuyển vào lớp 10 (do các trường THCS chuyển lên) để thực hiện các nội dung sau: Chi phí hành chính, điện, trang bị, sửa chữa máy móc thiết bị, văn phòng phẩm, biên lai thu tiền, trả phí chuyển tiền, công tác phí liên quan đến công tác tuyển sinh, chi trả chế độ làm thêm giờ (nếu có) cho cán bộ, giáo viên và các cá nhân có liên quan tham gia phục vụ công tác tuyển sinh; các khoản chi khác có liên quan đến công tác tuyển sinh. Mức chi cụ thể theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2.2. Quản lý

Khoản thu về dịch vụ tuyển sinh là một nguồn ngân sách do Nhà nước quản lý; việc lập dự toán, thu, sử dụng, quản lý và báo cáo quyết toán với cơ quan quản lý cấp trên theo phân cấp quản lý ngân sách.

Điều 4. Thời gian thực hiện: từ năm học 2021 - 2022.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính triển khai Quyết định này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2021.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Long Biên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC

**Đối tượng được miễn thu phí dịch vụ tuyển sinh vào lớp 6, lớp 10
tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận¹**
(Đính kèm theo Quyết định số 77/2021/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

1. Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
2. Học sinh khuyết tật.
3. Học sinh không có nguồn nuôi dưỡng và học sinh đang học phổ thông thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
4. Học sinh có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
5. Học sinh là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.
6. Học sinh ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.
7. Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú.
8. Học sinh là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;
9. Học sinh có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ./.

¹ Điều 15, Điều 16 của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021.